**BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CHUẨN NĂNG LỰC NGHỀ NGHIỆP ĐIỀU DƯỠNG VIỆT NAM SAU KHẢO SÁT Ý KIẾN CỦA CÁC ĐƠN VỊ**

**1. Giới thiệu**

Từ năm 1990 đến nay, ngành Điều dưỡng Việt Nam được sự hỗ trợ của chính phủ và Bộ Y tế đã phát triển nhanh chóng trên các lĩnh vực về quản lý, đào tạo, thực hành và nghiên cứu Điều dưỡng. Năm 2012, Bộ Y tế phối hợp với Hội Điều dưỡng Việt Nam đã xây dựng Bộ Chuẩn năng lực cơ bản của Điều dưỡng Việt Nam với sự hỗ trợ của Hội Điều dưỡng Canada và chuyên gia điều dưỡng của Đại học Kỹ thuật Queensland –Úc để làm cơ sở cho việc xây dựng chương trình đào tạo và sử dụng nhân lực điều dưỡng có hiệu quả cũng như tăng cường chất lượng nguồn nhân lực điều dưỡng và đáp ứng yêu cầu hội nhập của các nước trong khu vực.

Tuy nhiên sau gần 1 thập kỷ với sự phát triển của điều dưỡng trên thế giới nói chung và điều dưỡng tại Việt Nam nói riêng cùng với sự phát triển của các điều kiên kinh tế, xã hội và hội nhập quốc tế, bộ chuẩn năng lực cơ bản của Điều dưỡng Việt Nam cần được rà soát và bổ sung để đáp ứng với các yêu cầu của xã hội.

**1.1. Bối cảnh chung của Điều dưỡng**

Theo báo cáo “Thực trạng Điều dưỡng Thế giới năm 2020”của Tổ chức Y tế Thế giới (WHO) điều dưỡng chiếm hơn một nửa số nhân viên y tế trên thế giới, cung cấp các dịch vụ quan trọng trong toàn hệ thống y tế. Điều dưỡng là xương sống của bất kỳ hệ thống y tế nào.Hiện nay có khoảng 28 triệu điều dưỡng trên toàn thế giới. Từ năm 2013 đến 2018, số lượng điều dưỡng tăng 4,7 triệu, nhưng vẫn còn thiếu hụt 5,9 triệu điều dưỡng trên toàn cầu với những khoảng trống lớn nhất được tìm thấy ở các quốc gia Châu Phi, Đông Nam Á và khu vực Đông Địa Trung Hải của WHO cũng như một số khu vực của Mỹ Latinh. Bên cạnh đó hơn 80% các điều dưỡng trên thế giới làm việc tại các quốc gia là nơi cư trú của một nửa dân số thế giới, có 1/8 điều dưỡng hành nghề ở một quốc gia không phải là nơi họ sinh ra hoặc được đào tạo. Già hóa cũng đe dọa lực lượng lao động điều dưỡng khi 1/6 số điều dưỡng trên thế giới sẽ nghỉ hưu trong 10 năm tới. Để tránh tình trạng thiếu hụt toàn cầu, các quốc gia đang thiếu hụt cần tăng tổng số sinh viên tốt nghiệp trung bình 8% mỗi năm, cùng với cải thiện năng lực để được tuyển dụng và giữ lại trong hệ thống y tế. Ngoài ra, báo cáo cũng đưa ra các dữ liệu và bằng chứng cùng với các lời kêu gọi tăng cường lãnh đạo cho điều dưỡng, nâng cao thực hành điều dưỡng và đào tạo lực lượng điều dưỡng cho tương lai.

Để trang bị cho thế giới lực lượng điều dưỡng cần thiết, WHO đưa ra một số khuyến nghị với các quốc gia trên thế giới như: Tăng kinh phí cho đào tạo và tuyển dụng nhiều điều dưỡng hơn; Giáo dục và đào tạo điều dưỡng về các kỹ năng khoa học, công nghệ và xã hội học mà họ cần để thúc đẩy tiến bộ trong chăm sóc sức khỏe ban đầu; Hiện đại hóa quy định điều dưỡng chuyên nghiệp bằng cách hài hòa các tiêu chuẩn giáo dục và thực hành, sử dụng các hệ thống có thể nhận biết và xử lý thông tin điều dưỡng trên toàn cầu; Tăng cường vai trò của điều dưỡng trong các nhóm chăm sóc …

Tại Việt Nam, cả nước có 108113 điều dưỡng, chiếm 22,9% nhân lực chuyên môn của ngành y tế (Niên giám thống kê Y tế năm 2018). Dịch vụ chăm sóc do điều dưỡng cung cấp là một trong những trụ cột của hệ thống dịch vụ y tế, đóng vai trò rất quan trọng trong việc nâng cao chất lượng dịch vụ y tế. Ngành Điều dưỡng đã có sự phát triển nhanh chóng trên các lĩnh vực quản lý, đào tạo, thực hành chăm sóc. Vị trí và vai trò của điều dưỡng đã có những thay đổi cơ bản ngày càng được ghi nhận. Tuy nhiên, ngành điều dưỡng đang đứng trước nhiều thách thức như: Chưa có Luật Điều dưỡng, chuẩn thực hành Điều dưỡng; chưa thực hành theo văn bằng đào tạo; chưa chú trọng đào tạo Điều dưỡng chất lượng cao, chuẩn năng lực; mất cân đối nghiêm trọng về số lượng, cơ cấu, trình độ, cắt xén quy trình, mất an toàn trong chăm sóc; chưa đáp ứng nhu cầu chăm sóc; mất cơ hội làm việc tại một số vị trí quản lý, chuyên gia hay vị trí làm việc có lương cao; khó di chuyển tự do do năng lực chuyên môn, ngoại ngữ.

**1.2. Sự cần thiết rà soát, bổ sung chuẩn năng lực cơ bản Điều dưỡng Việt Nam**

Chuẩn năng lực cơ bản điều dưỡng Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 1352/QĐ-BYT. Bộ chuẩn năng lực cơ bản bao gồm các khả năng cốt lõi cần thiết để hoàn thành vai trò của một người điều dưỡng. Vì vậy, điều quan trọng là phải xác định rõ năng lực điều dưỡng để dựa vào đó phát triển chương trình đào tạo điều dưỡng và cải thiện chất lượng điều dưỡng. Trên thực tế, với những thay đổi trong hệ thống y tế trên thế giới, khu vực và trong nước, vai trò, nhiệm vụ của người điều dưỡng ngày một được xác định rõ ràng và cụ thể hơn. Sự công nhận lẫn nhau trong hệ thống chăm sóc giữa các nước trên thế giới và trong khu vực, đòi hỏi hệ thống chăm sóc và điều dưỡng ở Việt Nam cũng phải cải tiến và cập nhật hơn.

Ngày 30/3/2020 Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 436/QĐ-TTg thực hiện Khung trình độ quốc gia Việt Nam đối với các trình độ giáo dục đại học thuộc khối ngành sức khỏe giai đoạn 2020 – 2025 với mục đích Triển khai Khung trình độ quốc gia Việt Nam đối với các trình độ của giáo dục đại học để xây dựng, phê duyệt chuẩn chương trình đào tạo cho các ngành, khối ngành của từng lĩnh vực trong giáo dục đại học nhằm đổi mới hoạt động đào tạo gắn với bảo đảm, nâng cao chất lượng của giáo dục đại học Việt Nam; thiết lập mối quan hệ với khung trình độ quốc gia của các nước trong khu vực và trên thế giới; tạo ra cơ chế liên thông giữa các trình độ đào tạo; xây dựng xã hội học tập và học tập suốt đời. Để thực hiên quyết định trên, Bộ y tế đã ban hành Quyết định số 4018/QĐ-BYT ngày 18/9/2020 của Bộ Y tế về việc ban hành Kế hoạch hoạt động triển khai thực hiện Quyết định số 436/QĐ-TTg. Theo đó, việc cần làm là xây dựng/rà soát các chuẩn năng lực nghề nghiệp

Vì vậy, việc rà soát, bổ sung Chuẩn năng lực cơ bản Điều dưỡng Việt Nam có ý nghĩa rất quan trọng. Thứ nhất, để các cơ quan quản lý đào tạo xây dựng Chuẩn Đào tạo điều dưỡng Việt Nam. Từ đó, các cơ sở đào tạo xây dựng chuẩn đầu ra, chương trình, phương pháp và nội dung dạy học phù hợp. Thứ hai, đây là cơ sở để các nhà quản lý có kế hoạch và tạo cơ hội để điều dưỡng được đào tạo liên tục hoăc tự đào tạo trong quá trình làm việc tại các cơ sở y tế, nhằm nâng cao chất lượng chăm sóc sức khỏe nhân dân. Thứ ba, là căn cứ để mỗi điều dưỡng hoàn thiện và phát triển năng lực của mình trong quá trình làm việc.

**1.3. Cơ sở pháp lý**

- Văn bản hợp nhất số 12/VBHN-VPQH ngày 12/12/2017 về Luật Khám chữa bệnh;

- Thông tư 07/2011/TT-BYT hướng dẫn công tác điều dưỡng về chăm sóc người bệnh trong bệnh viện;

- Thông tư liên tịch 26/2015/TTLT-BYT-BNV quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y;

- Quyết định số 1352/QĐ-BYT Ban hành “Chuẩn năng lực cơ bản của Điều dưỡng Việt Nam”;

- Quyết định số 20/QĐ-HĐD, của Hội Điều dưỡng Việt Nam ban hành Chuẩn đạo đức nghề nghiệp của điều dưỡng viên Việt Nam;

- Quyết định số 436/QĐ-TTg ngày 30/3/2020 của Thủ tướng Chính phủ thực hiện Khung trình độ quốc gia Việt Nam đối với các trình độ giáo dục đại học thuộc khối ngành sức khỏe giai đoạn 2020 – 2025;

- Quyết định số 4018/QĐ-BYT ngày 18/9/2020 của Bộ Y tế về việc ban hành Kế hoạch hoạt động triển khai thực hiện Quyết định số 436/QĐ-TTg.

**2. Phương pháp**

Việc rà soát và bổ sung chuẩn năng lực cơ bản điều dưỡng Việt Nam trên cơ sở để đề xuất chuẩn năng lực nghề nghiệp điều dưỡng được thực hiện theo các bước sau:

**Bước 1: Thu thập thông tin đánh giá về sự phù hợp và tính hiệu quả của việc triển khai bộ chuẩn năng lực cơ bản điều dưỡng Việt Nam hiện có**

Thông tin được thu thập thông qua các phiếu khảo sát, lấy ý kiến về bộ chuẩn năng lực cơ bản Điều dưỡng Việt Nam (2012) qua đường công văn đến đơn vị quản lý, hội nghề nghiệp, sở y tế và các bệnh viện, trường Đại học/Cao đẳng có đào tạo điều dưỡng. Việc xác định các đơn vị lấy thông tin được được đảm bảo theo nguyên tắc đại diện và khả thi.

**Bước 2: Tổng quan tài liệu các tiêu chuẩn năng lực**

Bước tổng quan tài liệu được thực hiện để xác định các tài liệu liên quan đến tiêu chuẩn năng lực điều dưỡng Việt Nam và quốc tế. Tài liệu được tìm và đánh giá từ các cơ sở dữ liệu của Bộ y tế, CINAHL, Sciendirect và Medline cũng như các bài thuyết trình hội nghị, các ấn phẩm và báo cáo quốc gia, quốc tế từ các cơ quan quản lý và chuyên môn được đăng tài trong thời gian từ tháng 01năm 2015 đến tháng 09 năm 2020. Các từ khóa được đưa vào tìm kiếm tài liệu bao gồm: điều dưỡng (nursing); điều dưỡng viên (nurse); năng lực (competenc\*), năng lực chuyên môn (professional competenc\*).

**Bước 3: Đề xuất bộ chuẩn năng lực và lấy ý kiến các cá nhân và tổ chức liên quan**

Dựa trên kết quả khảo sát và tổng quan tài liệu, đề xuất bộ chuẩn năng lực nghề nghiệp điều dưỡng Việt Nam. Nội dung đề xuất này sẽ được sử dụng trong hội thảo được tổ chức tại trường Đại học Điều dưỡng Nam Định, có sự tham gia của đại diện đến từ các hiệp hội liên quan đến điều dưỡng như tổ chức WHO tại Việt Nam, tổ chức JICA- Nhật Bản, Cục Khám chữa bệnh, Hội điều dưỡng Việt Nam; các nhà quản lý các đơn vị đào tạo, sở y tế, bệnh viện và các nhà hoạch định chính sách về điều dưỡng tại Việt Nam. Thông tin phản hồi từ hội thảo được sử dụng để hoàn thiện phiên bản đề xuất của bộ chuẩn năng lực điều dưỡng Việt Nam

**Bước 4 - Xác nhận các tiêu chuẩn năng lực**

Sau khi bộ chuẩn năng lực nghề nghiệp điều dưỡng Việt Nam được hoàn thiện sẽ được sử dụng để lấy thông tin rộng rãi của các đơn vị quản lý, hội nghề nghiệp, sở y tế, bệnh viện và các cơ sở đào tạo điều dưỡng tại Việt Nam. Các địa điểm được chọn đảm bảo có sự đại diện rộng rãi từ các bệnh viện tuyến trung ương, tuyến tỉnh, tuyến huyện, các cơ sở y tế từ đô thị đến nông thôn, vùng sâu vùng xa cũng như các cơ sở y tế tư nhân. Trên sở sở các ý kiến góp ý của các đơn vị và cá nhân, bản cuối cùng của bộ chuẩn năng lực nghề nghiệp điều dưỡng Việt Nam được hoàn thiện và tiến hành nghiệm thu

**Bước 5: Nghiệm thu và ban hành**

Bản cuối cùng của bộ chuẩn năng lực nghề nghiệp điều dưỡng Việt Nam sẽ được sử dụng làm tài liệu để trình hội đồng nghiệm thu của Bộ Y tế. Trên cơ sở góp ý của hội đồng nghiệm thu, bộ chuẩn năng lực nghề nghiệp điều dưỡng Việt Nam sẽ được chỉnh sửa hoàn thiện và trình Bộ Y tế ban hành.

**3. Đề xuất Bộ chuẩn năng lực nghề nghiệp điều dưỡng Việt Nam**

 Từ kết quả khảo sát và tổng quan tài liệu, bộ chuẩn năng lực nghề nghiệp điều dưỡng được đề xuất gồm 6 lĩnh vực, 18 tiêu chuẩn và 30 tiêu chí cụ thể như sau:

| **Lĩnh vực đề xuất** | **Tiêu chuẩn** |  | **Tiêu chí** |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tiêu chuẩn đề xuất** | **TT** | **Tiêu chí đề xuất** |
| 1. Thực hành chăm sóc | 1 | Thể hiện sự hiểu biết về tình trạng sức khỏe, bệnh tật của các cá nhân, gia đình và cộng đồng để ra các quyết định chăm sóc phù hợp với nhu cầu | 1 | Thu thập, đánh giá và phân tích các vấn đề sức khỏe, bệnh tật để xác định các vấn đề cần chăm sóc của cá nhân, gia đình và cộng đồng |
| 2 | Ra các quyết định về chăm sóc cho người bệnh, gia đình và cộng đồng an toàn và hiệu quả |
| 3 | Thực hiện các can thiệp chăm sóc đáp ứng nhu cầu chăm sóc ưu tiên của cá nhân, gia đình và cộng đồng |
| 2 | Sử dụng quy trình điêu dưỡng để lập kế hoạch chăm sóc và can thiệp điêu dưỡng | 4 | Đánh giá kết quả của quá trình chăm sóc và điều chỉnh kế hoạch chăm sóc dựa vào tình trạng sức khỏe người bệnh và kết quả mong đợi |
| 3 | Tạo sự an toàn, thoải mái và riêng tư cho người bệnh | 5 | Tạo môi trường chăm sóc an toàn, thoải mái và riêng tư cho người bệnh |
| 4 | Tiến hành các kỹ thuật chăm sóc | 6 | Thực hiện thành thạo kỹ thuật điều dưỡng trong phạm vi chuyên môn |
| 5 | Dùng thuốc đảm bảo an toàn, hiệu quả | 7 | Tuân thủ quy tắc khi dùng thuốc |
| 6 | Đảm bảo chăm sóc liên tục | 8 | Bàn giao tình trạng của người bệnh với nhóm chăm sóc kế tiếp một cách cụ thể, đầy đủ và chính xác |
| 7 | Sơ cứu và đáp ứng khi có tình huống cấp cứu | 9 | Thực hiện sơ cứu, cấp cứu hiệu quả cho người bệnh |
| 2. Giao tiếp ứng xử | 8 | Thiết lập mối quan hệ tốt với người bệnh, gia đình và đồng nghiệp trên cơ sở thực hiện giao tiếp, sử dụng các kênh truyền thông, phương tiện nghe nhìn và cung cấp thông tin cho người bệnh, người nhà về tình trạng sức khỏe hiệu quả và phù hợp | 10 | Thể hiện sự hiểu biết về văn hóa, tín ngưỡng trong giao tiếp với người bệnh, gia đình và cộng đồng |
| 11 | Sử dụng các phương pháp, hình thức giao tiếp hiệu quả và thích hợp với người bệnh, người nhà người bệnh và đồng nghiệp |
| 3. Giáo dục sức khỏe | 9 | Xác định nhu cầu và tổ chức hướng dẫn, giáo dục sức khoẻ cho cá nhân, gia đình và cộng đồng. | 12 | Xây dựng tài liệu giáo dục sức khỏe phù hợp với trình độ của đối tượng |
| 13 | Thực hiện tư vấn, truyền thông giáo dục sức khỏe phù hợp, hiệu quả |
| 4. Quản lý | 10 | Hợp tác hiệu quả với các thành viên nhóm chăm sóc | 14 | Hợp tác tốt với các thành viên nhóm chăm sóc trong việc theo dõi, chăm sóc, điều trị người bệnh và thực hiện nhiệm vụ được giao |
| 11 | Quản lý, ghi chép và sử dụng hồ sơ bệnh án theo quy định | 15 | Ghi chép hồ sơ điều dưỡng bảo đảm tính khách quan, chính xác,đầy đủ và kịp thời |
| 12 | Quản lý công tác chăm sóc người bệnh | 16 | Quản lý công việc, thời gian của cá nhân hiệu quả và khoa học |
| 17 | Sử dụng công nghệ thông tin trong quản lý và chăm sóc người bệnh cũng như cập nhật kiến thức chuyên môn |
|  | 13 | Quản lý, vận hành, sử dụng các trang thiết bị y tế và các nguồn tài chính thích hợp để chăm sóc người bệnh hiệu quả  | 18 | Vận hành các trang thiết bị, phương tiện sử dụng trong chăm sóc bảo đảm an toàn, hiệu quả và phòng tránh nhiễm khuẩn liên quan đến chăm sóc y tế |
| 14 | Thiết lập môi trường làm việc an toàn và hiệu quả | 19 | Tuân thủ các tiêu chuẩn và quy tắc về an toàn lao động |
| 20 | Tuân thủ các chính sách, quy trình về phòng ngừa cách ly và kiểm soát nhiễm khuẩn |
| 21 | Tuân thủ các bước về an toàn phòng cháy chữa cháy, động đất hoặc các trường hợp khẩn cấp khác |
| 5. Đào tạo, NCKH và thực hành dựa vào bằng chứng;  | 15 | Cải tiến chất lượng chăm sóc và quản lý nguy cơ trong môi trường chăm sóc | 22 | Tham gia các hoạt động cải tiến chất lượng tại cơ sở |
| 23 | Phát hiện, báo cáo và đưa ra các hành động khắc phục phù hợp các nguy cơ trong môi trường chăm sóc người bệnh |
| 24 | Bình phiếu chăm sóc để cải tiến và khắc phục những tồn tại về chuyên môn và thủ tục hành chính |
| 16 | Nghiên cứu khoa học và thực hành dựa vào bằng chứng | 25 | Đề xuất các giải pháp thích hợp dựa trên kết quả nghiên cứu |
| 26 | Ứng dụng kết quả nghiên cứu khoa học vào thực hành điều dưỡng. Sử dụng các bằng chứng từ nghiên cứu khoa học để nâng cao chất lượng thực hành chăm sóc điều dưỡng |
|  | 17 | Duy trì và phát triển năng lực cho bản thân và đồng nghiệp.  | 27 | Xác định rõ mục tiêu, nguyện vọng phát triển nghề nghiệp, nhu cầu học tập, điểm mạnh, điểm yếu của bản thân |
| 6. Phát triển nghề nghiệp, tuân thủ đạo đức, pháp luật | 28 | Quảng bá hình ảnh của người điều dưỡng, thể hiện tác phong và tư cách tốt, trang phục phù hợp, lời nói thuyết phục và cách cư xử đúng mực |
| 18 | Hành nghề theo quy định của pháp luật và tiêu chuẩn đạo đức nghề nghiệp | 29 | Hành nghề theo quy định của pháp luật liên quan đến y tế, quy định của Bộ Y tế và thực hành điều dưỡng |
|  | 30 | Chịu trách nhiệm cá nhân khi đưa ra các quyết định và can thiệp chăm sóc |